

Số: 1076 /TB-ĐHSP

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 9 năm 2023

## THÔNG BÁO

### Về mức tạm thu học phí và thời gian thu học phí học kỳ I năm học 2023-2024 hệ đại học chính quy và chương trình 2 đại học chính quy

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023;

Căn cứ Thông báo số 300/TB-VPCP ngày 31/7/2023 của Văn phòng Chính phủ Thông báo về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2857/ĐHĐN-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Đại học Đà Nẵng về việc thống nhất khoản thu, mức thu và hỗ trợ người học năm học 2020-2021 của Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP);

Căn cứ vào Đề án đào tạo chất lượng cao trình độ đại học đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo (GD&ĐT) và Đại học Đà Nẵng phê duyệt;

Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024 hệ chính quy của Trường Đại học Sư phạm;

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng thông báo mức tạm thu học phí và thời gian thu học phí học kỳ I năm học 2023-2024 hệ đại học chính quy, chương trình 2 đại học chính quy như sau:

#### 1. Mức thu học phí

TT	Khối ngành	Mức thu
<b>1</b>	<b>Học phần học văn hoá lần 1 và lần 2 trở đi:</b>	
1.1	Khối ngành I chương trình 1 và 2: Áp dụng từ Khóa tuyển sinh năm 2018 trở về trước học lần 2 trở đi các học phần chưa đạt.	275.000đ/tín chỉ
1.2	Khối ngành I: Áp dụng từ Khóa tuyển sinh năm 2019 học lần 2 các học phần chưa đạt và từ Khóa tuyển sinh năm 2021 không đăng ký hưởng chính sách của Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ	285.000đ/tín chỉ
1.3	Khối ngành IV chương trình 1 và 2: Áp dụng từ Khóa tuyển sinh từ năm 2018 trở về trước học lần 1 và lần 2 trở đi	329.000đ/tín chỉ
1.4	Khối ngành IV chương trình 1 và 2: Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019 học lần 1 và lần 2 trở đi	341.000đ/tín chỉ
1.5	Khối ngành V chương trình 1 và 2: Áp dụng từ Khóa tuyển sinh từ năm 2018 trở về trước học lần 1 và lần 2 trở đi	329.000đ/tín chỉ





1.6	Khối ngành V chương trình 1 và 2: Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019 học lần 1 và lần 2 trở đi	341.000đ/tín chỉ
1.7	Khối ngành VII chương trình 1 và 2: Áp dụng từ Khóa tuyển sinh từ năm 2018 trở về trước học lần 1 và lần 2 trở đi	275.000đ/tín chỉ
1.8	Khối ngành VII chương trình 1 và 2: Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019 học lần 1 và lần 2 trở đi	285.000đ/tín chỉ
1.9	Ngành Công nghệ thông tin chất lượng cao (CLC) học lần 1 và lần 2 trở đi	822.500đ/tín chỉ
1.10	Ngành Hóa dược CLC học lần 1 và lần 2 trở đi	921.200đ/tín chỉ
1.11	Ngành Tâm lý học, Báo chí, Việt Nam học, Quản lý Tài nguyên Môi trường CLC học lần 1 và lần 2 trở đi	770.000đ/tín chỉ
<b>2</b>	<b>Học phần Giáo dục thể chất lần 1 và lần 2 trở đi</b>	
2.1	Khối ngành I: Áp dụng từ Khóa tuyển sinh năm 2018 trở về trước học lần 2 các học phần chưa đạt	275.000đ/tín chỉ
2.2	Khối ngành I: Áp dụng từ Khóa tuyển sinh năm 2019 học lần 2 các học phần chưa đạt và từ Khóa tuyển sinh năm 2021 không đăng ký hưởng chính sách của Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ	285.000đ/tín chỉ
2.3	Khối ngành IV: Áp dụng từ Khóa tuyển sinh năm 2018 trở về trước học lần 1 và lần 2 trở đi	329.000đ/tín chỉ
2.4	Khối ngành IV: Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019 học lần 1 và lần 2 trở đi	341.000đ/tín chỉ
2.5	Khối ngành V: Áp dụng từ Khóa tuyển sinh năm 2018 trở về trước học lần 1 và lần 2 trở đi	329.000đ/tín chỉ
2.6	Khối ngành V: Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019 học lần 1 và lần 2 trở đi	341.000đ/tín chỉ
2.7	Khối ngành VII: Áp dụng từ Khóa tuyển sinh năm 2018 trở về trước học lần 1 và lần 2 trở đi	275.000đ/tín chỉ
2.8	Khối ngành VII: Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019 học lần 1 và lần 2 trở đi	285.000đ/tín chỉ
2.9	Ngành Công nghệ thông tin CLC học lần 1 và lần 2 trở đi	329.000đ/tín chỉ
2.10	Ngành Hóa dược CLC học lần 1 và lần 2 trở đi	329.000đ/tín chỉ
2.11	Ngành Tâm lý học, Báo chí, Việt Nam học, Quản lý Tài nguyên Môi trường CLC học lần 1 và lần 2 trở đi	275.000đ/tín chỉ

## 2. Thủ tục và thời gian thu học phí học kỳ I năm học 2023-2024

### a) Thủ tục nộp học phí

- Đối với sinh viên từ khóa tuyển sinh năm 2014 trở về trước: **nộp tiền trực tiếp tại Phòng Kế hoạch – Tài chính.**

- Đối với sinh viên từ khóa tuyển sinh năm 2015 đến năm 2020: **nộp tiền vào tài khoản thẻ ATM sinh viên mở tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.**



- Đối với sinh viên từ khóa tuyển sinh năm 2021: nộp tiền vào tài khoản thẻ ATM sinh viên mở tại ngân hàng BIDV chi nhánh Hải Vân.

**b) Thời hạn nộp học phí**

Đợt 1: Từ ngày 08/9/2023 đến hết ngày 15/9/2023

Đợt 2: Từ ngày 02/10/2023 đến hết ngày 11/10/2023

Đợt 3: Từ ngày 01/11/2023 đến hết ngày 10/11/2023

Đợt 4: Từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 11/12/2023

**(Lưu ý: Đối với những sinh viên có mức nộp học phí cả học kỳ dưới 1 triệu đồng nhất thiết phải nộp đủ trong đợt 1)**

Quá thời hạn nêu trên, sinh viên nào chưa nộp học phí sẽ bị xử lý theo quy định của Nhà trường.

Do chưa có Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP, nên Nhà trường tạm thu học phí học kỳ I năm học 2023-2024 theo mức thu học phí năm học 2022-2023. Ngay khi có Nghị định mới ban hành, Nhà trường sẽ có thông báo chính thức về mức thu học phí học kỳ I năm học 2023-2024.

Trên đây là thông báo về mức tạm thu học phí và thời gian thu học phí học kỳ I năm học 2023 – 2024 hệ đại học chính quy, chương trình 2 đại học chính quy; đề nghị Thủ trưởng các đơn vị liên quan quán triệt nội dung thông báo đến tận giáo viên chủ nhiệm và sinh viên các lớp để biết và thực hiện.

**Ghi chú:**

- Dự phòng trường hợp ngân hàng trừ các khoản phí thẻ ATM, để không bị ảnh hưởng đến số tiền nộp học phí, sinh viên nên để số dư trong tài khoản trên 100.000đ.

- Trường hợp sinh viên mất thẻ đề nghị sinh viên liên hệ trực tiếp với Phòng Công tác Sinh viên để đăng ký làm thủ tục cấp thẻ. /

**Nơi nhận:**

- Thủ trưởng các đơn vị (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, KHTC. *sm*

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS. TS. Lưu Trang**